**Sở Giáo dục và Đào tạo ...**

**Đề thi Giữa kì 2 - Cánh diều**

**Năm 2025**

**Môn: Địa Lí 12**

*Thời gian làm bài: phút*

**(Đề 2)**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

**1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.*

**Câu 1.**Đầu mối giao thông vận tải đường sắt lớn nhất nước ta là

A. Hà Nội.

B. Hải Phòng.

C. Đà Nẵng.

D. TP Hồ Chí Minh.

**Câu 2.**Khó khăn lớn nhất của ngành bưu chính nước ta hiện nay là

A. thiếu lao động có trình độ cao.

B. thiếu đồng bộ, tốc độ vận chuyển thư tín chậm.

C. mạng lưới phân bố chưa đều, công nghệ lạc hậu.

D. quy trình nghiệp vụ ở các địa phương mang tính thủ công.

**Câu 3.**Nhận định nào sau đây đúng với tình hình phát triển và phân bố của ngành ngoại thương ở nước ta hiện nay?

A. Khoáng sản là mặt hàng xuất khẩu chủ lực ở nước ta.

B. Đang chú trọng vào việc đa dạng hoá các mặt hàng xuất khẩu.

C. Tư liệu sản xuất là nhóm hàng nhập khẩu chính hiện nay ở nước ta.

D. Thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu là các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

**Câu 4.** Đặc điểm nào sau đây đúng với ngành du lịch của nước ta hiện nay?

A. Tạo động lực thúc đẩy các ngành kinh tế.

B. Khách quốc tế luôn cao hơn khách nội địa.

C. Tập trung phát triển ở các khu vực ven biển.

D. Những năm gần đây doanh thu tăng liên tục.

**Câu 5.**Đặc điểm nào sau đây đúng với dân cư vùng TD&MNBB?

A. Mật độ dân số thấp.

B. Tỉ lệ dân thành thị cao.

C. Chủ yếu là dân tộc Tày.

D. Quy mô dân số đông.

**Câu 6.**Thế mạnh nào sau đây **không**phải của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Phát triển chăn nuôi trâu, bò, ngựa và lợn.

B. Phát triển các ngành kinh tế biển và đảo.

D. Khai thác, chế biến khoáng sản, thuỷ điện.

C. Trồng cây công nghiệp lâu năm cận nhiệt.

**Câu 7.**Vùng nào nước ta có mật độ dân số lớn nhất?

A. Đông Nam Bộ.

B. Duyên Hải Nam Trung Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 8.**Vùng Đồng bắng sông Hồng tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

A. Trung Quốc.

B. Hàn Quốc.

C. Cam-pu-chia.

D. Lào.

**Câu 9.**Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí địa lí của Bắc Trung Bộ?

A. Giáp với 3 vùng kinh tế của nước ta.

B. Có biên giới kéo dài với Trung Quốc và Lào.

C. Nằm ở vị trí trung gian giữa Lào, Cam-pu-chia và Biển Đông.

D. Có biên giới đường bộ kéo dài với Lào thông qua các cửa khẩu.

**Câu 10.**Tất cả các tỉnh ở Bắc Trung Bộ đều có thế mạnh để

A. trồng rau vụ đông.

B. trồng lúa có năng suất cao.

C. phát triển kinh tế biển.

D. nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt.

**Câu 11.**Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là phần lãnh thổ không tách rời của hai tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương của DHNTB lần lượt là

A. TP. Đà Nẵng và Quảng Nam.

B. TP. Đà Nẵng và Quảng Ngãi.

C. TP. Đà Nẵng và Khánh Hoà.

D. TP. Đà Nẵng và Bình Định.

**Câu 12.**Đặc điểm nào sau đây đúng với phân bố dân cư DHNTB?

A. Đồng đều giữa các vùng.

B. Tập trung chủ yếu ở thành thị.

C. Thưa thớt ở vùng đồi núi.

D. Mật độ dân số cao nhất cả nước.

**2. Câu trắc nghiệm đúng sai.** *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*

**Câu 1.**Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có diện tích lãnh thổ lớn ở nước ta. Vùng có địa hình đa dạng, phức tạp, gồm các dãy núi cao, điển hình là dãy Hoàng Liên Sơn. Đất fe-ra-lit đỏ vàng chiếm 2/3 diện tích của vùng. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình. Điều này đã tạo nên thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế khác nhau như: trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn…

**a)**Trung du và miền núi Bắc Bộ là có diện tích lãnh thổ lớn ở nước ta.

**b)**Vùng có thế mạnh để phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới.

**c)**Sự phân hóa địa hình, đất, khí hậu là cơ sở để đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.

**d)**Cây cà phê phát triển mạnh trong vùng chủ yếu do lãnh thổ rộng, diện tích đất fe-ra-lit lớn.

**Câu 2.**Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d sau đây:

Hầu hết các địa phương của Duyên hải Nam Trung Bộ đều là những địa phương trọng điểm thu hút khách du lịch quốc tế và trong nước của Việt Nam. Trong đó Quảng Nam, Đà Nẵng và Khánh Hòa thuộc nhóm 5 địa phương hàng đầu của cả nước thu hút khách quốc tế. Địa bàn trọng điểm phát triển du lịch biển và Vân Phong, Nha Trang, Ninh chữ. Các loại hình du lịch biển ưu thế hiện đang phát triển ở khu vực này là nghỉ dưỡng biển, tham quan thắng cảnh biển, đảo sinh thái biển đảo; đặc biệt là lặn tham quan san hô biển, thể thao biển, Mice, tham quan di sản. Trong vùng, 3 cảng loại 1 là Đà Nẵng, Dung Quất, Quy Nhơn; ngoài ra đang thu hút đầu tư xây dựng cảng loại 1A ở Vân Phong (Khánh Hòa). Đến năm 2020, có năm khu bảo tồn biển chính thức đi vào hoạt động là Cù Lao Chàm, Lý Sơn, vịnh Nha Trang, Núi Chúa, Hòn Cau.

**a)**Là địa bàn thu hút nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế.

**b)**Khu vực trọng điểm phát triển du lịch biển là Bình Định, Nha Trang.

**c)**Loại hình du lịch biển đang được đẩy mạnh là tham quan miệt vườn.

**d)**Các khu bảo tồn biển hoạt động của vùng là Lý Sơn, Núi Chúa, Hòn Cau.

**3.** **Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.*

**Câu 1.**Cho bảng số liệu:

**Tình hình xuất khẩu của nước ta năm 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm** | **2022** |
| Giá trị xuất khẩu (Nghìn tỷ đồng) | 8 941 |
| Tỷ trọng giá trị xuất khẩu trong cơ cấu XNK (%) | 50,61 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)*

*Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy:*

a) Tính giá trị nhập khẩu năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

b) Tính cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022.

**Câu 2.** Biết năm 2018, sản lượng gia cầm hơi xuất chuồng ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là 235,5 nghìn tấn năm; 2021 là 374,2 nghìn tấn.

*Căn cứ vào số liệu đã cho, tính:*

a) Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng năm 2021 tăng gấp mấy lần năm 2018 *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai của đơn vị lần)*

b) Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng năm 2021 tăng bao nhiêu nghìn tấn so với năm 2018.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Quy mô dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2021 và năm 2022**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Năm 2021** | **Năm 2022** |
| Số dân *(nghìn người)* | 23 224,84 | 23 454,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)*

*Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy:*

a) Tính tốc độ gia tăng dân số năm 2022 của Đồng bằng sông Hồng. *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ hai của đơn vị %)*

b) Tính mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2022. Biết, diện tích của vùng Đồng bằng sông Hồng là 21,3 nghìn km². *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân đầu tiên của đơn vị người/km²)*

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ** **giai đoạn 2010-2021**



(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2011, 2022)

*Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy:*

a) Tính trung bình mỗi năm sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ tăng thêm bao nhiêu nghìn tấn? *(làm tròn kết quả đến chữ số hàng đơn vị của đơn vị nghìn tấn)*

b) Tính tỉ lệ cá biển trong tổng sản lượng hải sản khai thác của Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021. *(làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân của đơn vị %)*

**PHẦN II. TỰ LUẬN**

**Câu 1.**Phân tích thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên trong phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 2.**Cho bảng số liệu:

**Tổng diện tích rừng và rừng trồng của vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2021.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm****Diện tích** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Tổng diện tích rừng | 2 807,2 | 3 045,0 | 3 126,7 | 3 131,1 |
| *Trong đó: Rừng trồng* | *679,9* | *808,9* | *921,2* | *929,6* |

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2016, 2022)

Tính và nhận xét về tỉ trọng diện tích rừng trồng trong tổng diện tích rừng của vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2021.